

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 17 – 6 – 2024  
V/v hôn nhân gia đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Nghĩa.

2. Ông Bùi Văn Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “Hôn nhân gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thuận H, sinh năm 1979 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà A, ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Thuận H trình bày:

Ông Nguyễn Thuận H và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng hiện nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng ông đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không được và vợ chồng ông đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Trong quá trình chung sống, ông, bà có 02 con chung là Nguyễn Chí H1, sinh ngày 29-01-2000, Nguyễn Quang T1, sinh ngày 28-3-2006. Hiện các con đều đã trưởng thành và đã đi làm ở Bình Dương, có công việc và thu nhập ổn định. Quá trình chung sống vợ chồng ông có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận.

Nay ông Nguyễn Thuận H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận ông Nguyễn Thuận H và bà Nguyễn Thị T không phải là vợ chồng;
- Về con chung: Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà cũng thống nhất với yêu cầu không công nhận bà và ông Nguyễn Thuận H là vợ chồng. Do các con đã trưởng thành nên bà cũng không có yêu cầu gì. Còn về tài sản chung và nợ chung thì bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng trong trường hợp không có đăng ký kết hôn, với bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; về con chung, tài sản chung, nợ chung thì không có yêu cầu. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn trình bày chung sống với bị đơn như vợ chồng từ năm 1999 mà không đăng ký kết hôn, có 02 con chung là Nguyễn Chí H1, sinh ngày 29-01-2000, Nguyễn Quang T1, sinh ngày 28-3-2006. Lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân là phù hợp với ngày sinh của người con chung đầu tiên. Mặt khác, bà T cũng thống nhất là bà và ông H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1999. Do đó, HĐXX xác định đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn trong trường hợp này là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay ông Nguyễn Thuận H yêu cầu không công nhận ông và bà T không phải là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Thuận H.**

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông **Nguyễn Thuận H** và bà **Nguyễn Thị T.**

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông **Nguyễn Thuận H** phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005207 ngày 08-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Long Bình, thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Mỹ Hạnh**